TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 6 - 2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Đào Việt Khái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lữ Tấn Thiên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Võ Việt Trung - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Ngọc Bảo C, sinh năm 1997 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khu Phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

Bị đơn: Ông Lưu Nhật T, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2024, cùng các văn bản kèm theo bà Dương Ngọc Bảo C trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2020, bà và ông Lưu Nhật T thành hôn và chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh C ngày 11/3/2020. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi, ông Lưu Nhật T không lo làm ăn. Bà xác định là bà không còn tình cảm dành cho ông Lưu Nhật T. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên bà không thể đoàn tụ gia đình với ông Lưu Nhật T, nay bà cương quyết ly hôn với ông Lưu Nhật T và yêu cầu Tòa án xét xử cho bà ly hôn ông Lưu Nhật T.

Về con chung: Có hai người tên là Lưu Nhật D (giới tính nam), sinh ngày 09/12/2020 và Lưu Nhật Nam (giới tính nam), sinh ngày 18/12/2023. Hiện tại cả hai người con chung đang do bà nuôi dưỡng. Bà yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con chung, bà yêu cầu ông Lưu Nhật T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc làm ăn xa nên việc đi lại khó khăn, bà Dương Ngọc Bảo C xin vắng mặt tham gia tố tụng và không có ý kiến gì khác.

Ông Lưu Nhật T đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đồng thời triệu tập xét xử nhiều lần nhưng ông Lưu Nhật T vẫn không tham gia tố tụng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, cụ thể về hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Dương Ngọc Bảo C ly hôn với ông Lưu Nhật T; Về con chung: Có hai người tên là Lưu Nhật D (giới tính nam), sinh ngày 09/12/2020 và Lưu Nhật Nam (giới tính nam), sinh ngày 18/12/2023. Hiện tại đang do bà Dương Ngọc Bảo C nuôi dưỡng. Bà Dương Ngọc Bảo C yêu cầu nuôi dưỡng cả hai người con chung nên chấp nhận yêu cầu của bà Dương Ngọc Bảo C là phù hợp và buộc ông Lưu Nhật T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Dương Ngọc Bảo C xin vắng mặt tham gia phiên tòa. Nay căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

Ông Lưu Nhật T đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng ông Lưu Nhật T không cung cấp chứng cứ gì, ông Lưu Nhật T vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Năm 2020, bà Dương Ngọc Bảo C và ông Lưu Nhật T chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm thường xuyên tranh cãi. Bà Dương Ngọc Bảo C xác định không còn tình cảm dành cho ông Lưu Nhật T và bà Dương Ngọc Bảo C cương quyết ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà Dương Ngọc Bảo C và ông Lưu Nhật T không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân giữa bà Dương Ngọc Bảo C và ông Lưu Nhật T đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Ông Lưu Nhật T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, cho thấy ông Lưu Nhật T không mong muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình. Đối với yêu cầu của bà Dương Ngọc Bảo C, ông Lưu Nhật T không có ý kiến gì. Xét cho bà Dương Ngọc Bảo C ly hôn với ông Lưu Nhật T là có cơ sở.

[3] Về con chung: Có hai người tên là Lưu Nhật D (giới tính nam), sinh ngày 09/12/2020 và Lưu Nhật Nam (giới tính nam), sinh ngày 18/12/2023. Hiện tại cả hai người con chung đang do bà Dương Ngọc Bảo C nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu Lưu Nhật D và Lưu Nhật Nam hiện tại đang do bà C nuôi dưỡng, để đảm bảo sự phát triển bình thường của các cháu nên chấp nhận yêu cầu của bà Dương Ngọc Bảo C là phù hợp. Bà Dương Ngọc Bảo C yêu cầu ông Lưu Nhật T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, tuy nhiên phía ông T không có ý kiến gì và để đảm bảo cuộc sống phát triển cho các cháu nên buộc ông T cấp dưỡng nuôi 02 người con mỗi tháng là 1.800.000 đồng (mỗi người con 900.000 đồng) là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Dương Ngọc Bảo C và ông Lưu Nhật T phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a

khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Dương Ngọc Bảo C ly hôn với ông Lưu Nhật T.

2. Về con chung: Giao Lưu Nhật D (giới tính nam), sinh ngày 09/12/2020 và Lưu Nhật Nam (giới tính nam), sinh ngày 18/12/2023 cho bà Dương Ngọc Bảo C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lưu Nhật T cấp dưỡng mỗi người con là 900.000 đồng/tháng (hai người là 1.800.000 đồng/tháng), việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng, cấp dưỡng cho đến khi Lưu Nhật D và Lưu Nhật Nam thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 17/6/2024.

Kể từ ngày bà Dương Ngọc Bảo C có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lưu Nhật T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện theo theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ông Lưu Nhật T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Dương Ngọc Bảo C phải chịu 300.000 đồng. Bà Dương Ngọc Bảo C đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0003284 ngày 11/3/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nay chuyển thu.

- Án phí cấp dưỡng: Buộc ông Lưu Nhật T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Phú Tân;*
- *Chi cục THADS (khi có hiệu lực);*
- *Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);*
- *UBND xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu trữ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Ngọc Trọng